

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHKT VIỆT NAM
HỘI ĐỊA LÝ VIỆT NAM



ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



KHOA HỌC ĐỊA LÝ VIỆT NAM

VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI TOÀN CẦU

VIETNAM GEOGRAPHY SCIENCE WITH DIGITAL TRANSFORMATION FOR
SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN THE CONTEXT OF GLOBAL CHANGE

KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC ĐỊA LÝ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV

Proceedings of the 14th National Scientific Conference on Geography
Thua Thien Hue, 13 - 14/07/2024

QUYỂN 2



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ

- Hội Địa lý Việt Nam
- Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

BAN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ

I. Đồng Trưởng ban

- GS.TS Nguyễn Cao Hoàn - Chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam.
- PGS.TS Nguyễn Thành Nhân - Phó Hiệu trưởng, phụ trách Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

II. Phó Trưởng ban

- GS.TSKH Phạm Hoàng Hải - Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Địa lý Việt Nam.
- TS. Nguyễn Đăng Độ - Phó chủ tịch Hội Địa lý tỉnh Thừa Thiên Huế; Trưởng khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- PGS.TS Nguyễn Hoàng Sơn - Chủ tịch Hội Địa lý tỉnh Thừa Thiên Huế; Viện trưởng Viện Đào tạo mở và CNTT, Đại học Huế.

III. Các uỷ viên

- GS.TS Trương Quang Hải - Phó chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam.
- PGS.TS Nguyễn Quang Tuấn - UVTV Hội Địa lý Việt Nam; Phó chủ tịch Hội Địa lý tỉnh Thừa Thiên Huế; Phó Viện trưởng, Viện Chuyển đổi số và Học liệu Đại học Huế.
- PGS.TS Đào Đình Châm - Phó chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam; Viện trưởng Viện Địa lý, Viện Hàn lâm KHCNVN.
- PGS.TS Lại Vĩnh Cẩm - Phó chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam.
- TS. Nguyễn Đình Kỳ - Phó chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam.
- PGS.TS Đặng Văn Bào - Phó chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam; Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN.
- PGS.TS Trần Việt Khanh - Phó chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam; Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên.
- TS. Lê Phúc Chi Lăng - Hội viên Hội Địa lý Việt Nam; Phó trưởng khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- TS. Phan Thanh Định - Phó chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam; Phó Hiệu trưởng Trường Đại học KHXX&NV, ĐHQG-TP.HCM.
- TS. Hà Viết Hải - Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.
- GS.TS Nguyễn Đăng Hội - UVTV Hội Địa lý Việt Nam; Hội Địa lý Quân Sự; Viện trưởng Viện Sinh thái Nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga, Bộ Quốc phòng.

12. PGS.TS Phạm Việt Hoà - UVTV Hội Địa lý Việt Nam; Viện trưởng Viện Địa lý Tài nguyên TP.HCM, Viện Hàn lâm KHCNVN.
13. TS. Nguyễn Song Tùng - UVTV Hội Địa lý Việt Nam; Viện trưởng Viện Địa lý nhân văn, Viện Hàn lâm KHXHVN.
14. TS. Nguyễn Văn Thảo - UVBCH Hội Địa lý Việt Nam; Phó Viện trưởng Viện TN&MT biển, Viện hàn lâm KHCNVN.
15. PGS.TS Bùi Quang Thành - UVTV Hội Địa lý Việt Nam; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHKHTN, ĐHQGHN.
16. PGS.TS Nguyễn Thị Trang Thanh - UVTV BCH Hội Địa lý Việt Nam; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHSP, Đại học Vinh.
17. PGS.TS Nguyễn Phương Liên - UVTV Hội Địa lý Việt Nam; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHSP, Đại học Thái Nguyên.
18. TS. Ngô Thị Thu Trang- Hội viên Hội Địa lý Việt Nam; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHCM.
19. TS. Nguyễn Quyết Chiến - UVBCH Hội Địa lý Việt Nam; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHSP Hà Nội.
20. PGS.TS Lưu Thế Anh - UVTV Hội Địa lý Việt Nam; Viện trưởng Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN.
21. PGS.TS. Lương Thị Vân - Chủ tịch Hội Địa lý tỉnh Bình Định
22. TS. Nguyễn Thanh Tường - UVBCH Hội Địa lý Việt Nam; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHSP, Đại học Đà Nẵng.
23. TS. Phạm Thị Bình - UVBCH Hội Địa lý Việt Nam; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHSP TP.HCM.
24. PGS.TS Nguyễn Thám - Hội Địa lý Việt Nam; Khoa Địa lý, Trường ĐHSP, ĐHH.
25. TS. Phùng Thái Dương - UVBCH Hội Địa lý Việt Nam; Phó Trưởng khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp./

DANH SÁCH BAN TỔ CHỨC ĐỊA PHƯƠNG HỘI NGHỊ KHOA HỌC ĐỊA LÝ TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV

1. PGS.TS Nguyễn Thành Nhân - P. Hiệu trưởng, Phụ trách TĐHSP, ĐHH - Trưởng ban
2. TS. Nguyễn Đăng Độ - Trưởng khoa Địa lý; Phó trưởng ban thường trực
3. PGS.TS Nguyễn Hoàng Sơn - Chủ tịch Hội Địa lý tỉnh TTH; Phó trưởng ban
4. TS. Hà Viết Hải - Trưởng phòng KHCN&HTQT; Phó trưởng ban
5. TS. Lê Phúc Chi Lăng - Phó trưởng khoa Địa lý; Ủy viên thư ký
6. TS. Lê Hồ Sơn - Trưởng phòng TC&HC; Ủy viên
7. ThS. Đặng Thị Thuỳ Vân - Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng KH&TC; Ủy viên
8. ThS. Nguyễn Hà Đông - GD Trung tâm CNTT&CĐS; Ủy viên

9. ThS. Nguyễn Thanh Lâm - GD Trung tâm KN&TT; Ủy viên
10. PGS.TS Nguyễn Quang Tuấn - Phó chủ tịch Hội Địa lý tỉnh TTH - Ủy viên
11. ThS. Nguyễn Ngọc Chương - Phó TP GDPT, Sở GD&ĐT tỉnh TTH - Ủy viên
12. ThS. Trương Đình Trọng - Phó trưởng khoa ĐL-ĐC, TĐHKH, ĐHH - Ủy viên
13. TS. Bùi Thị Thu - UV Ban chấp hành Hội Địa lý tỉnh TTH - Ủy viên
14. TS. Nguyễn Ngọc Đoàn - Trợ lý ĐT&NCKH khoa Địa lý - Ủy viên

BAN BIÊN TẬP

I. Trưởng ban

GS.TS. Nguyễn Cao Hoàn - Chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam

II. Phó Trưởng ban

1. GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải - Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội Địa lý Việt Nam

2. GS.TS. Trương Quang Hải - Phó Chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam

III. Các ủy viên:

1. PGS.TS. Lại Vĩnh Cẩm - Phó Chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam

2. PGS.TS. Đào Đình Châm - Phó Chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam; Viện trưởng Viện Địa lý, Viện Hàn lâm KHCNVN

3. PGS.TS. Trần Việt Khanh - Phó Chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam; Đại học Thái Nguyên

4. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn - Phó Chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam; Viện trưởng Viện Đào tạo mở và Công nghệ Thông tin, Đại học Huế

5. PGS.TS. Đặng Văn Bào - Phó Chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam

6. TS. Phan Thanh Định - Phó Chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam; Phó hiệu trưởng Trường ĐH KHXXNV, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

7. TS. Nguyễn Đăng Độ - Phó chủ tịch Hội Địa lý tỉnh Thừa Thiên Huế; Trưởng khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

8. TS. Lê Phúc Chi Lăng - Hội viên Hội Địa lý Việt Nam; Phó trưởng khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

9. PGS.TS. Nguyễn Quang Tuấn - Phó chủ tịch Hội Địa lý tỉnh Thừa Thiên Huế; Phó Viện trưởng, Viện Chuyên đổi số và Học liệu Đại học Huế

10. GS.TS. Nguyễn Đăng Hội - UVBCH Hội ĐLVN, CT Hội Địa lý Quân sự; Viện trưởng Viện Sinh thái Nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga, Bộ Quốc phòng

11. GS.TS. Nguyễn Khanh Vân - Hội Địa lý Việt Nam

12. PGS.TS. Bùi Quang Thành - UVBCH Hội ĐLVN, Trưởng Khoa Địa lý, Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN

13. PGS.TS Nguyễn Thị Trang Thanh - UVBCH Hội ĐLVN; Trưởng Khoa Địa lý, Trường ĐH Sư phạm, Đại học Vinh

14. TS. Nguyễn Thanh Tường - UVBCH Hội Địa lý Việt Nam; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHSPT, Đại học Đà Nẵng

15. TS. Ngô Thị Thu Trang - Hội viên Hội Địa lý Việt Nam; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHCM

16. TS. Phùng Thái Dương - UVBCH Hội Địa lý Việt Nam; Phó Trưởng khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Đại học Đồng Tháp

17. TS. Phạm Thị Bình - UVBCH Hội Địa lý Việt Nam; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHSPTP.HCM.

18. TS. Nguyễn Quyết Chiến - UVBCH Hội Địa lý Việt Nam; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHSP Hà Nội
19. PGS.TS Nguyễn Phương Liên - UVBCH Hội ĐLVN; Trưởng khoa Địa lý, Trường ĐHSP, Đại học Thái Nguyên
20. PGS.TS Lưu Thế Anh - UVTW Hội Địa lý Việt Nam; Viện trưởng Viện Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN.
21. PGS.TS Lương Thị Vân - UVBCH Hội ĐLVN, Chủ tịch Hội Địa lý tỉnh Bình Định
22. TS. Nguyễn Song Tùng - UVBCH Hội ĐLVN, Viện trưởng Viện Địa lý Nhân văn, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
23. TS. Nguyễn Văn Thảo - UVBCH Hội ĐLVN, Viện Tài nguyên Môi trường biển Hải Phòng

IV. Thư ký Ban biên tập:

ThS. Hoàng Bắc

TS. Nguyễn Mạnh Hà

LỜI NÓI ĐẦU

Địa lý học là hệ thống khoa học mang tính tổng hợp, đa ngành, liên ngành cao, đối tượng nghiên cứu tập trung vào thiên nhiên và con người với mối tác động tương hỗ trong một hệ thống mở, có sự phân hóa và biến đổi theo không gian và thời gian, được xác định bằng các phương pháp đặc thù của địa lý vừa truyền thống, vừa hiện đại với ứng dụng công nghệ địa lý (Bản đồ, Viễn thám, GIS và công nghệ trí tuệ nhân tạo AI). Địa lý học Việt Nam ngày càng được phát triển, cập nhật, dần hoàn thiện cả về lý luận, phương pháp nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn bởi các nhà địa lý từ các Viện nghiên cứu, Trường đại học, tổ chức giáo dục, cơ sở kinh tế, quản lý và dịch vụ liên quan. Hội Địa lý Việt Nam có nhiệm vụ tập hợp, huy động, kết nối và tổ chức các hội viên thuộc các Hội Địa lý thành phần từ Bắc đến Nam trong nghiên cứu, đánh giá các điều kiện địa lý cho quản lý, sử dụng hợp lý và phục hồi tài nguyên, quy hoạch lãnh thổ, phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên vùng đất liền và biển đảo.

Trong suốt 36 năm xây dựng và phát triển, Hội Địa lý Việt Nam với những đóng góp to lớn và thiết thực đã khẳng định được vị thế, vai trò quan trọng của mình trong sự nghiệp phát triển và hội nhập của đất nước. Các thành tựu về nghiên cứu, đào tạo và phản biện xã hội của các nhà địa lý Việt Nam đã được xã hội thừa nhận, khẳng định vị thế cao của ngành trong các Hiệp hội khoa học - kỹ thuật của cả nước. Các nhà khoa học Hội Địa lý Việt Nam đã và đang thực hiện thành công và hiệu quả hàng trăm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ở các cấp thuộc nhiều lĩnh vực như: điều tra cơ bản, đánh giá tài nguyên, môi trường, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu; đề xuất các giải pháp quản lý tài nguyên - môi trường, xây dựng các tập Atlas và các bản đồ quy hoạch không gian; ứng dụng công nghệ viễn thám (phân tích ảnh vệ tinh, bay chụp UAV), GIS và công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác điều tra, nghiên cứu, đánh giá, quy hoạch lãnh thổ, quản lý sử dụng hợp lý tài nguyên; cải thiện, bảo vệ, phục hồi thiên nhiên; phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao sinh kế cộng đồng và bảo tồn di sản trên đất liền và biển đảo Việt Nam.

Về công tác đào tạo và giáo dục địa lý, hai Đại học Quốc gia Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, các Đại học vùng, các Trường đại học, Học viện, cơ sở đào tạo trong Viện nghiên cứu đã xây dựng và triển khai thành công nhiều ngành học mới ở bậc đại học và sau đại học mang tính liên ngành, phù hợp với nhu cầu của xã hội trong bối cảnh đổi mới, biến đổi toàn cầu và biến đổi khí hậu. Mỗi năm đã có hàng nghìn cử nhân, hàng trăm thạc sĩ, hàng chục tiến sĩ địa lý được đào tạo, đóng góp tích cực và hiệu quả vào sự nghiệp phát triển chung của đất nước và của ngành Địa lý.

Với mục đích đánh giá và tổng kết các thành tựu hoạt động của của ngành, năm 2024 Hội Địa lý Việt Nam phối hợp với Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Hội Địa lý tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XIV với chủ đề “*Khoa học Địa lý Việt Nam với chuyển đổi số phục vụ phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi toàn cầu*”. Sau hơn một năm chuẩn bị, Ban tổ chức Hội nghị đã nhận được hơn 300 báo cáo khoa học, sau đánh giá của các phản biện đã chấp nhận đăng 256 bài. Các công trình trong kỷ yếu

Hội nghị có chất lượng tốt, đa dạng về chủ đề và nội dung, được chia thành 5 lĩnh vực: i) Điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường; ii) Địa lý kinh tế xã hội và nhân văn phục vụ phát triển bền vững trong bối cảnh toàn cầu; iii) Khoa học Địa lý với sự phát triển bền vững Thừa Thiên Huế và vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung; iv) Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong Địa lý và v) Giáo dục và đào tạo Địa lý. Kỷ yếu Hội nghị khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ XIV gồm 2 tập, trong đó quyển 1 gồm 131 báo cáo, quyển 2 gồm 125 báo cáo. Trong Hội nghị lần này, ngoài các báo cáo đề cập đến các vấn đề nghiên cứu truyền thống của ngành, đã có những kết quả nghiên cứu mới về các lĩnh vực cấp thiết, có giá trị thực tiễn trong khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên, bảo vệ thiên nhiên và môi trường, phòng tránh thiên tai,... Đặc biệt, đã có 43 báo cáo theo chủ đề Khoa học Địa lý với sự phát triển bền vững Thừa Thiên Huế và Vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung.

Ban Tổ chức Hội nghị tin tưởng rằng với sự tham gia nhiệt tình của nhiều cơ quan nghiên cứu, trường đại học, các cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý từ mọi miền đất nước, Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ XIV sẽ thành công tốt đẹp, sẽ đánh giá được đầy đủ những thành tựu nghiên cứu, đào tạo của ngành địa lý trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu trong công tác tổ chức nghiên cứu, đào tạo, góp phần đưa những kết quả nghiên cứu địa lý vào thực tiễn phát triển của đất nước một cách thiết thực và hiệu quả hơn.

Nhân dịp này, Ban Tổ chức Hội nghị xin chân thành cảm ơn lãnh đạo Hội Địa lý Việt Nam, Ban lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, các sở ban ngành tỉnh Thừa Thiên Huế, Ban lãnh đạo Khoa Địa lý trực thuộc trường, Chủ nhiệm đề tài các cấp, nhà tài trợ và đặc biệt toàn thể các nhà địa lý, các hội viên Hội Địa lý Việt Nam đã quan tâm, tài trợ kinh phí, nhiệt tình tham gia để Hội nghị thành công tốt đẹp./.

ĐỒNG TRƯỞNG BAN CỐ VẤN TỔ CHỨC HỘI NGHỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỊA LÝ VIỆT NAM



GS.TS. NGUYỄN CAO HUÂN

MỤC LỤC

ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. ĐẶC ĐIỂM ĐA DẠNG VÀ CẤU TRÚC CẢNH QUAN KHU VỰC ĐÈO CẢ - HÒN VỌNG PHU, TỈNH PHÚ YÊN..... 1
Nguyễn Đăng Hội, Ngô Trung Dũng, Trần Thị Nhân,
Đặng Hùng Cường, Đặng Thị Ngọc, Kuznetsov A. N, Kuznetsova S.P.
2. DYNAMICS OF LAND USE AND LAND COVER IN A FLASH FLOOD SUSCEPTIBLE WATERSHED IN NORTHWEST, VIETNAM..... 11
Tien Chinh Nguyen, Le Thi Thu Hoa, Tran Quang Khai, Pham Duc Thinh, Pham Anh Tuan
3. PHÂN TÍCH BIỂU HIỆN BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH SƠN LA QUA MỘT SỐ NHÂN TỐ KHÍ HẬU 19
Nguyễn Văn Minh
4. ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP TIỀM NĂNG TỰ NHIÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TỈNH KHÁNH HÒA 24
Mai Văn Chân, Nguyễn Đăng Độ, Nguyễn Thị Thanh Hằng
5. HIỆN TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÂY CAM Ở HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH 35
Phạm Hương Giang, Nguyễn Phương Liên, Nguyễn Thanh Mai, Thân Thị Huyền, Lê Thị Nguyệt
6. NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TÀI NGUYÊN NƯỚC MẶT LƯU VỰC SÔNG ĐỒNG NAI..... 46
Vũ Thị Hằng
7. ĐÁNH GIÁ BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ NHIỆT Ở THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU .. 55
Nguyễn Thị Thu Trang, Đào Ngọc Hùng, Ngô Thị Mai Huệ
8. ĐÁNH GIÁ BIẾN ĐỔI SỐC NHIỆT Ở TỈNH NGHỆ AN 65
Trần Thị Tuyền, Đậu Xuân Đăng, Đoàn Thị Nguyên, Đào Ngọc Hùng
9. PHÂN TÍCH TỔNG HỢP NGUỒN LỰC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN CÂY QUẾ HUYỆN TRÀ BỒNG, TỈNH QUẢNG NGÃI 73
Dương Thị Nguyên Hà, Nguyễn Thị Tường Vi
10. NGHIÊN CỨU NHẬN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI CỦA CƯ DÂN TRONG VIỆC PHÂN LOẠI CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TẠI NGUỒN Ở TÒA NHÀ CC2, CHUNG CƯ TÂN THÀNH ECO2, PHƯỜNG QUẢNG THÀNH, THÀNH PHỐ THANH HÓA 81
Nguyễn Thị Thanh Hằng
11. BIẾN ĐỘNG DIỆN TÍCH MẶT NƯỚC HỒ TRỊ AN VÀO MÙA KHÔ NĂM 2023 DO TÁC ĐỘNG CỦA HIỆN TƯỢNG EL NINO..... 87
Hà Tuấn Cường, Trần Hà Phương, Trần Thị Lập Xuân, Nguyễn Thị Thu Hiền
12. XÂY DỰNG MÔ HÌNH DU LỊCH CỘNG ĐỒNG GẮN VỚI BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC Ở HÒN YẾN, TỈNH PHÚ YÊN..... 98
Nguyễn Thị Ngạn, Nguyễn Hữu Xuân
13. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA HOẠT ĐỘNG NUÔI THỦY SẢN LỒNG BÈ TRÊN VỊNH LAN HẠ - CÁT BÀ..... 108
Đặng Thị Ngọc, Nguyễn Thu Hà, Phạm Viết Thành

14.	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT TẠI HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI.....	119
	Nguyễn Minh Nguyệt, Bùi Thị Thu, Giang Trường	
15.	BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CÁC ĐẢO VEN BỜ BẮC BỘ	128
	Phan Thị Thanh Hằng, Đặng Hòa Vĩnh	
16.	THỰC TRẠNG VÀ TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN HOẠT ĐỘNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TẠI TỈNH PHÚ YÊN.....	141
	Nguyễn Thị Thảo Linh, Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Quang Tuấn, Hoàng Đình Trung	
17.	ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỊA HÌNH ĐẾN SỰ THÀNH TẠO VÀ PHÂN HÓA CẢNH QUAN LÃNH THỔ THÁI NGUYÊN.....	149
	Lê Thị Nguyệt	
18.	CƠ SỞ HÌNH THÀNH QUAN HỆ ĐỊA MẠO VÀ THỔ NHƯỠNG LẤY VÍ DỤ VÙNG BẮC TÂY NGUYÊN.....	157
	Nguyễn Văn Dũng	
19.	TIẾP CẬN ĐỊA MẠO TRONG ĐÁNH GIÁ NGẬP ÚNG ĐÔ THỊ TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	166
	Hoàng Thị Thúy, Đặng Kinh Bắc, Đặng Văn Bào, Phạm Thị Phương Nga, Nguyễn Minh Hiếu	
20.	VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG VIỆC NGĂN NGỪA, BẢO VỆ, KIỂM SOÁT Ô NHIỄM NƯỚC TẠI CÁC NGUỒN NƯỚC CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA.....	175
	Nguyễn Thị Hồng Nhung, Đào Thành Đạt	
21.	PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG GIÓ TÂY KHÔ NÓNG Ở SƠN LA ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ GÓP PHẦN ỔN ĐỊNH SINH CƯ.....	186
	Nguyễn Văn Minh	
22.	PHÁT TRIỂN CÂY HỒI THEO HƯỚNG CÂY ĐẶC SẢN BỀN VỮNG Ở TỈNH LẠNG SƠN	191
	Bùi Thị Thanh Dung, Chu Thị Hương	
23.	ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG TẠI PHƯỜNG UYÊN HƯNG, THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG.....	202
	Lê Thị Lan Trâm, Nguyễn Thành Nhân	
24.	ĐÁNH GIÁ CẢNH QUAN CHO PHÁT TRIỂN RỪNG PHÒNG HỘ VÀ RỪNG SẢN XUẤT Ở HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH BẮC KẠN.....	209
	Phạm Hương Giang, Đỗ Văn Thanh, Đào Duy Minh, Vũ Vân Anh, Trần Xuân Quỳnh	
25.	NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP HẠN CHẾ Ô NHIỄM BỤI MỊN PM2.5 KHU VỰC NỘI THÀNH HÀ NỘI TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU.....	217
	Hoàng Anh Thế, Phan Thị Thảo, Ngô Thị Như Quỳnh, Dương Quốc Đạt, Lâu Chí Công, Nguyễn Trung Kiên	
26.	NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM SINH KHÍ HẬU TỈNH CAO BẰNG.....	224
	Hoàng Quốc Dũng, Phạm Hoàng Hải; Đỗ Văn Thanh	
27.	MÔ HÌNH PHỤC HỒI HỆ SINH THÁI ĐẤT SAU KHAI THÁC ĐÁ BAZAN TỈNH GIA LAI.....	230
	Nguyễn Công Long, Hoàng Thị Huyền Ngọc, Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Thị Thủy, Nguyễn Thái Sơn, Nguyễn Văn Dũng, Vũ Thị Thu Hương, Hoàng Quốc Nam, Nguyễn Đức Toàn	

28.	HIỆN TRẠNG CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH KHÁNH HOÀ.....	241
	Trương Phương Dung, Đặng Xuân Phong, Nguyễn Sơn, Trịnh Ngọc Tuyến, Trần Duy Phiên, Nguyễn Thị Thảo	
29.	ĐÁNH GIÁ THÍCH HỢP ĐẤT ĐAI PHỤC VỤ ĐỀ XUẤT SỬ DỤNG ĐẤT BỀN VỮNG CÁC HUYỆN VEN BIỂN TỈNH QUẢNG TRỊ.....	249
	Hoàng Thị Huyền Ngọc, Nguyễn Mạnh Hà	
30.	CẢNH QUAN HỌC VÀ ỨNG DỤNG NGHIÊN CỨU CẢNH QUAN PHỤC VỤ QUY HOẠCH - TỔ CHỨC LÃNH THỔ: MỘT NGHIÊN CỨU TỔNG QUAN	259
	Phan Văn Phú, Nguyễn Hồ	
31.	GỚI THIỆU MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP TOÁN ỨNG DỤNG TRONG NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN TỔNG HỢP	269
	Nguyễn Thị Kim Chương, Lương Thị Vân, Lê Thị Ngọc Khanh, Đỗ Văn Thanh, Lê Anh Hùng, Nguyễn Thị Thu Hiền	
32.	HƯỚNG TIẾP CẬN NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN ĐẤT Ở VIỆT NAM.....	279
	Nguyễn Thị Kim Chương, Lương Thị Vân, Lê Thị Ngọc Khanh, Đỗ Văn Thanh, Lê Anh Hùng, Nguyễn Thị Thu Hiền	
33.	BEHAVIORAL STUDY OF MARINE SAND USED AS FINE AGGREGATE IN CONCRETE.....	286
	Nguyen Thi Thu Hien, Do Quang Thien	
ĐỊA LÝ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG		
34.	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP Ở TỈNH TIỀN GIANG, GIAI ĐOẠN 2015 – 2021	297
	Phạm Thị Bạch Tuyết, Võ Minh Khoa	
35.	PHÁT TRIỂN SINH KẾ ĐỂ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG Ở KHU VỰC MIỀN NÚI TÂY BẮC TỈNH NGHỆ AN	309
	Trương Thị Như Nguyệt	
36.	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN MỘT SỐ MÔ HÌNH NÔNG LÂM KẾT HỢP THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở HUYỆN MIỀN NÚI TÂN SƠN, TỈNH PHÚ THỌ.....	320
	Đặng Thị Huệ, Nguyễn Thị Thu Hiền	
37.	TIỀM NĂNG VÀ BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA.....	327
	Lê Kim Dung, Nguyễn Khánh Linh	
38.	CẢNH QUAN VĂN HÓA NÔNG THÔN Ở HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	337
	Đinh Thị Lam	
39.	BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TẠI HUYỆN CÔ TÔ.....	350
	Nguyễn Thị Hằng	
40.	VẬN DỤNG MA TRẬN SWOT TRONG ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG KINH TẾ BAN ĐÊM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	358
	Lai Duy Long, Nguyễn Thị Phượng Châu	

41.	THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH HOMESTAY TẠI HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ.....	367
	Dương Thanh Xuân, Lê Văn Hiệu, Nguyễn Thúy An	
42.	ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH HUYỆN LANG CHÁNH TỈNH THANH HÓA.....	376
	Trịnh Thị Phan, Đào Thanh Xuân, Trương Thị Lộc	
43.	NHẬN DẠNG CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI DU LỊCH CHĂM SÓC SỨC KHỎE Ở TỈNH THANH HÓA.....	383
	Trịnh Thị Phan, Nguyễn Thị Phương Nga	
44.	LIÊN KẾT GIỮA HỘ NÔNG DÂN VÀ DOANH NGHIỆP TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ LÚA, RAU MÀU TẠI TỈNH THÁI BÌNH.....	389
	Bùi Thị Vân Anh	
45.	HIỆN TRẠNG CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU KINH TẾ VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI ĐẾN VĂN HÓA - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ.....	398
	Vũ Thị Bắc	
46.	TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG VỀ VIỆC SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN ĐẤT CỦA CÁC DÂN TỘC XÃ PHIÊN LƯƠNG, HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA.....	407
	Đặng Thị Nhuận, Nguyễn Thị Hải Yến	
47.	ĐÔ THỊ HÓA Ở TỈNH BẮC NINH TRONG GIAI ĐOẠN 2010 – 2020.....	413
	Nguyễn Thế Hiệu, Ngô Thị Hải Yến	
48.	THỰC TRẠNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VÀ SỰ THAM GIA CỦA LAO ĐỘNG NỮ TRONG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở HUYỆN MAI CHÂU, TỈNH HÒA BÌNH.....	422
	Ngô Thị Hải Yến, Nguyễn Thị Hằng	
49.	NGHIÊN CỨU MỨC SỐNG DÂN CƯ HUYỆN QUAN HOÁ, TỈNH THANH HOÁ: NHỮNG VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ GIẢI PHÁP.....	428
	Tô Thị Hồng Nhung, Lê Thị Thanh Vân	
50.	CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI KHU CÔNG NGHIỆP VÂN TRUNG, TỈNH BẮC GIANG.....	437
	Phạm Trung Thảo, Phạm Thị Ngọc Quỳnh	
51.	ĐÁNH GIÁ MỨC SỐNG DÂN CƯ TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU.....	446
	Bùi Thị Tuyết, Nguyễn Thị Hoài	
52.	ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP NHẪM THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG.....	454
	Phạm Thị Cẩm Tú, Hoàng Thị Việt Hà, Nguyễn Thị Bình	
53.	BIẾN ĐỘNG TÀU THUYỀN VÀ SẢN LƯỢNG KHAI THÁC HẢI SẢN CỦA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2020.....	461
	Nguyễn Tường Huy	
54.	NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP THIẾT ĐẶT RA TRONG VIỆC ĐẢM BẢO MÔI TRƯỜNG CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI TỈNH KHÁNH HÒA.....	467
	Lê Hữu Dũng	

55. GIÁ TRỊ CỦA ĐA DẠNG SINH HỌC ĐỐI VỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP TẠI ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG..... 474
Bùi Huỳnh Đức
56. PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH BẾN TRE TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU 479
Nguyễn Ngọc Trâm Anh, Phan Văn Phú
57. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA ĐÔ THỊ HOÁ ĐẾN SINH KẾ NGƯỜI DÂN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP KHU VỰC VEN ĐÔ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG 487
Phạm Thị Ngọc Quỳnh, Nguyễn Thị Thu Thảo, Nguyễn Ngọc Ánh
58. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA..... 495
Lê Thị Hằng, Lê Hà Thanh, Lê Thị Thúy Hiền
59. ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG CỦA DU KHÁCH ĐỐI VỚI ẨM THỰC ĐƯỜNG PHỐ TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ 504
Phạm Đỗ Văn Trung, Lai Huỳnh Bảo Huy, Nguyễn Thị Hoài Thương, Đặng Tiểu Long, Nguyễn Hà Quỳnh Giao
60. NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ TRANG TRẠI HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU 515
Phạm Vũ Chung
61. THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH ẨM THỰC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH..... 527
Đàm Nguyễn Thùy Dương, Nguyễn Quốc Đại
62. ĐÁNH GIÁ DU LỊCH BIỂN BỀN VỮNG THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI 537
Nguyễn Thị Hà Thành, Trần Thị Phương Thúy
63. NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TỈNH ĐẮK LẮK 548
Nguyễn Thị Bích Ngà, Nguyễn Đăng Độ, Nguyễn Phú Thắng
64. ĐÁNH GIÁ CỦA DU KHÁCH ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ TÀI NGUYÊN DU LỊCH Ở KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG 558
Nguyễn Trọng Nhân, Huỳnh Văn Đà, Dương Thanh Xuân
65. NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ SƠN MÀI XÃ DUYÊN THÁI, HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI..... 564
Nguyễn Văn Hữu, Lê Văn Hương, Phí Thị Thu Hoàng, Đào Thị Lưu, Lê Thị Hạnh Liên, Nguyễn Thị Hải Yến, Lê Thị Kim Thoa, Lê Đức Hoàng
66. KHAI THÁC TIỀM NĂNG DU LỊCH TỈNH PHÚ YÊN 575
Đặng Thành Trung
67. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGUỒN LAO ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LAO ĐỘNG Ở HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA..... 583
Phạm Thị Biên, Nguyễn Thị Ngọc
68. NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 593
Đào Thị Bích Hiệp, Lê Phúc Chi Lăng, Nguyễn Phú Thắng

69. TÍCH HỢP GIÁ TRỊ VĂN HÓA VỚI SẢN PHẨM ĐỊA PHƯƠNG THÔNG QUA CÂU CHUYỆN SẢN PHẨM Ở VÙNG TÂY BẮC VIỆT NAM..... 601
Lê Thị Thu Hòa, Phạm Hoàng Hải, Nguyễn Ngọc Khánh, Tống Thanh Bình, Điều Thị Vân Anh, Nguyễn Tiến Chính¹, Nguyễn Thu Nhung
70. ĐÁNH GIÁ CỤM TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN VÀ VĂN HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TỈNH PHÚ YÊN..... 610
Trần Quốc Nhuận, Đoàn Thị Như Hoa, Đoàn Thị Mỹ Dung
71. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHỤC HỒI DU LỊCH VIỆT NAM SAU ĐẠI DỊCH COVID 19 618
Nguyễn Thị Ngọc Anh, Nguyễn Thị Nhật Mai, Quách Thị Bình Thọ
72. KHAI THÁC CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÙNG TÂY BẮC..... 627
Tống Thanh Bình, Nguyễn Thu Nhung, Vũ Thị Kim Dung, Hà Thái Bắc
- KHOA HỌC ĐỊA LÝ VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ VÀ VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG**
73. MÔ HÌNH DU LỊCH FARMSTAY Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ..... 639
Trần Thị Cẩm Tú, Bạch Thị Ngọc Trà
74. THỰC TRẠNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2008-2022 649
Nguyễn Minh Nguyệt
75. PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA TẠI THÀNH PHỐ HUẾ DỰA TRÊN QUY HOẠCH PHẦN KHÔNG GIAN ĐỊA LÝ ĐỐI DIỆN ĐẠI NỘI THEO MÔ HÌNH "BÁN NGUYỆT ĐỒNG TÂM" 660
Đinh Thiện Phương
76. DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI LÀNG NGƯ MỸ THẠNH - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÀM PHÁ TAM GIANG..... 669
Lê Thị Phương Vỹ, TSUTSUI Kazunobu, Bùi Thị Thu, Đỗ Thị Việt Hương
77. CÁC TUYẾN PHỐ CỔ THƯƠNG MẠI Ở HUẾ GIỮA PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ BẢO TỒN DI SẢN 680
Phạm Sĩ Dũng, Dương Thị Vân Anh, Lương Thị Nga, Nguyễn Khánh Linh², Đào Hải Ngọc Hân, Nguyễn Hữu Duy
78. ỨNG DỤNG VIỄN THÁM VÀ GIS ĐÁNH GIÁ BIẾN ĐỘNG ĐƯỜNG BỜ: THỰC NGHIỆM KHU VỰC VEN BIỂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ 688
Nguyễn Thị Thu Hiền, Phạm Công An, Ngô Thị Diệu Thư, Lê Đức Hải, Hoàng Mạnh Khải, Phạm Văn Thám, Phạm Thị Làn
79. HIỆU QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BÀI DẠY ĐỊA LÝ LỚP 10 THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC Ở TRƯỜNG THPT HƯƠNG THỦY 694
Trần Ngọc Bảy, Võ Thị Hải Lê, Nguyễn Ngọc Chương
80. ỨNG DỤNG GIS NHẪM CHIA SẺ THÔNG TIN CUNG ỨNG NÔNG SẢN SẠCH Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ..... 705
Đỗ Thị Việt Hương, Đặng Thị Khánh, Ngô Trường Giao Quỳnh, Phan Văn Bình, Nguyễn Quang Việt, Trần Ánh Hằng

81. BIỆN PHÁP TẠO HỨNG THÚ HỌC TẬP CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ..... 714
Nguyễn Ngọc Chương, Đoàn Xuân Tú , Trần Ngọc Bả, Hoàng Tăng Phi
82. ĐÁNH GIÁ ĐẤT ĐAI CHO PHÁT TRIỂN CÂY CÀ GAI LEO, PHỤC VỤ HÌNH THÀNH VÙNG NGUYÊN LIỆU CÂY DƯỠC LIỆU Ở HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH..... 722
Nguyễn Thị Huyền, Lương Thị Vân, Trần Thị Kim Chung, Phan Thị Lệ Thủy, Phan Nguyễn Thu Hương
83. ĐÁNH GIÁ THOẢI HÓA TIỀM NĂNG ĐẤT LƯU VỰC SÔNG KÔN 731
Phan Thị Lệ Thủy, Hà Văn Hành, Nguyễn Thị Huyền, Trần Hải Vũ
84. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ THÍCH HỢP SINH THÁI CẢNH QUAN CHO PHÁT TRIỂN CÂY BA KÍCH Ở HUYỆN TÂY GIANG - TỈNH QUẢNG NAM..... 741
Nguyễn Thị Diệu
85. ĐÁNH GIÁ TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN LOẠI HÌNH DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH 749
Nguyễn Công Định, Nguyễn Như Quý, Lương Thị Vân, Trương Quang Hiến
86. ĐÁNH GIÁ XÓI MÒN ĐẤT KHU VỰC BẮN ĐẢO CHU LAI, TỈNH QUẢNG NAM..... 760
Tống Sĩ Sơn
87. ỨNG DỤNG MÔ HÌNH RUSLE ĐÁNH GIÁ XÓI MÒN ĐẤT LƯU VỰC SÔNG BUNG, TỈNH QUẢNG NAM..... 768
Nguyễn Thị Diệu
88. KHẢ NĂNG GIẢM THIỂU DÒNG CHÁY MẶT CỦA CÂY XANH ĐÔ THỊ: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH Ở ĐƯỜNG ĐỒNG ĐA VÀ ĐƯỜNG LÝ THƯỜNG KIỆT, THÀNH PHỐ HUẾ..... 775
Lê Phúc Chi Lăng, Nguyễn Hoàng Sơn, Nguyễn Đăng Độ, Trần Ngọc Bả, Phan Hữu Thịnh
89. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH QUẢNG NGÃI..... 785
Lê Thu Quỳnh
90. PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA NGUỒN VỐN TỰ NHIÊN ĐẾN PHÁT TRIỂN SINH KẾ BỀN VỮNG NGƯỜI DÂN Ở HUYỆN AN LÃO, TỈNH BÌNH ĐỊNH..... 793
Lê Xuân Khánh, Nguyễn Thảo Quỳnh, Trần Văn Trọng, Nguyễn Đức Tôn, Dương Thị Nguyên Hà
91. PHÁT TRIỂN DU LỊCH QUẢNG NAM VÀ ĐÀ NẴNG SAU DỊCH BỆNH COVID 19: THỰC TRẠNG, THÁCH THỨC, VÀ GIẢI PHÁP 803
Nguyễn Thị Kim Thoa, Trương Văn Cảnh, Nguyễn Thị Hồng, Lê Mỹ Dung
92. NGHIÊN CỨU KHAI THÁC CÁC TRI THỨC BẢN ĐỊA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG NGƯỜI CƠ TU, TỈNH QUẢNG NAM..... 812
Nguyễn Thị Kim Thoa, Nguyễn Phú Thắng, TSUTSUI Kazunobu, Bùi Thị Thu, Đỗ Thị Việt Hương
93. NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG SINH KẾ THUỶ SẢN CỦA NGƯỜI DÂN Ở XÃ ĐẢO NHƠN CHÂU, THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH..... 824
Nguyễn Đức Tôn, Trần Thị Kim Chung, Lê Văn Nhất, Huỳnh Thị Thuỳ Trâm
- ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG ĐỊA LÝ**
94. ỨNG DỤNG ĐỊA THÔNG TIN TRONG NGHIÊN CỨU GIÁM SÁT VÀ DỰ ĐOÁN ĐỘ MẶN TRONG ĐẤT 835
Nguyễn Thị Diệu Linh, Đặng Kinh Bắc, Giang Tuấn Linh

95. XÂY DỰNG CÔNG CỤ HỖ TRỢ RA QUYẾT ĐỊNH PHÒNG CHỐNG NGẬP LỤT CÁC LƯU VỰC SÔNG CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN 844
Hoàng Thanh Sơn, Nguyễn Xuân Lâm, Trần Thái Bình, Lê Đức Hạnh, Bùi Anh Tuấn, Tống Phúc Tuấn, Nguyễn Bách Tùng
96. ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SỬ DỤNG “GOOGLE BARD AI” PHỤC VỤ TÌM KIẾM VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU TRONG NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ DU LỊCH 850
Đào Ngọc Bích, Nguyễn Minh Tý
97. XÂY DỰNG PHƯƠNG TRÌNH HỒI QUY ĐA BIẾN TRONG NÂNG CAO ĐỘ PHÂN GIẢI KHI TÍNH TOÁN NHIỆT ĐỘ BỀ MẶT (LST) TẠI HUYỆN DẦU TIẾNG – TỈNH BÌNH DƯƠNG 857
Trần Hà Phương, Hà Tuấn Cường
98. ƯỚC TÍNH DUNG TÍCH HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN SÔNG TRANH 2 SỬ DỤNG DỮ LIỆU SENTINEL 870
Nguyễn Công Giang, Đặng Vũ Khắc, Lê Tuấn Cảnh
99. TƯƠNG QUAN GIỮA PHỔ PHẢN XẠ VÀ HÀM LƯỢNG CHẤT HỮU CƠ TRONG TRẦM TÍCH BÃI TRIỀU ĐÓI VEN BIỂN ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG..... 879
Vũ Thị Thu Thủy
100. ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI TẠI KHU VỰC PHƯỜNG TÂN THUẬN TÂY, QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH SỬ DỤNG GIS VÀ DỮ LIỆU UAV..... 886
Trần Văn Trường, Đỗ Thành Đạt, Nguyễn Thị Tố Lan
101. GIÁM SÁT Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ KẾT HỢP TƯ LIỆU VIỄN THÁM VÀ SỐ LIỆU QUAN TRẮC TẠI VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG 894
Vương Hồng Nhật, Lưu Thế Anh, Nguyễn Ngọc Thắng, Nguyễn Thanh Bình, Hoàng Quốc Nam, Nguyễn Công Quân, Nguyễn Trường Huỳnh
102. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CÁC BẢN ĐỒ MƯA TỪ DỮ LIỆU MƯA VỆ TINH PHỤC VỤ NGHIÊN CỨU THỦY TAI Ở HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG..... 905
Lê Ngọc Hành, Nguyễn Hoàng Sơn, Lê Phúc Chi Lăng
103. THÀNH LẬP BẢN ĐỒ ĐẤT NGẬP NƯỚC VÀ PHÂN BỐ THỰC VẬT XÂM HẠI BẰNG CÔNG NGHỆ GIS VÀ VIỄN THÁM TẠI VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN (TỈNH ĐỒNG NAI) 914
Đỗ Văn Thông, Hà Tuấn Cường
104. NGHIÊN CỨU VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI PHÚ YÊN 926
Đỗ Thị Phương Uyên
105. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH THÔNG MINH TỈNH BÌNH DƯƠNG TRONG VIỆC ỨNG DỤNG THÀNH TỰU CÁCH MẠNG 4.0 934
Phạm Kim Cương
106. XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TẬP BẢN ĐỒ DU LỊCH ĐIỆN TỬ TỈNH ĐẮK NÔNG 946
Phí Thị Thu Hoàng, Đào Thị Lưu, Lê Thị Kim Thoa, Lê Văn Hương, Nguyễn Thị Hải Yến, Lê Thị Hạnh Liên, Nguyễn Văn Hữu¹, Lê Đức Hoàng¹, Đinh Bảo Ngọc, Trịnh Xuân Quang

107. NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG ETO VÀ MÔ HÌNH BUDGET NHẪM XÁC ĐỊNH THỜI KÌ TỐI ƯU CHO HOẠT ĐỘNG TRỒNG TRỌT Ở TỈNH NINH THUẬN..... 956
Phạm Quang Vinh, Nguyễn Thanh Bình, Phạm Hà Hình
108. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ ĐỊA KHÔNG GIAN PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP Ở TỈNH QUẢNG BÌNH..... 967
Đoàn Thị Mỹ Dung, Lê Đình Thuận, Võ Minh Thắng, Trần Thị Ngọc Yến
- GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỊA LÝ**
109. GIÁO DỤC 4.0 TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC..... 979
Hoàng Thị Diệu Hương
110. XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG HỌC LIỆU SỐ HỖ TRỢ DẠY HỌC PHÂN MÔN ĐỊA LÝ 6 Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ..... 985
Nguyễn Thu Hương Lam, Nguyễn Ngọc Chương, Phan Hữu Thịnh
111. TÍCH HỢP KIẾN THỨC VẬT LÝ TRONG DẠY HỌC CÁC CHỦ ĐỀ ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN LỚP 10 THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC..... 993
Nguyễn Viết Bình, Phan Văn Sơn, Nguyễn Hoàng Tuấn
112. GIÁO DỤC VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THÔNG QUA MẠNG XÃ HỘI CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ, TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP..... 1003
Nguyễn Thanh Tâm
113. THIẾT KẾ WEBSITE TUYÊN TRUYỀN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO SINH VIÊN 1011
Đào Ngọc Bích, Nguyễn Minh Tý
114. THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG PHIẾU HỌC TẬP TRONG DẠY HỌC PHÂN MÔN ĐỊA LÝ 8 Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ..... 1018
Hoàng Thị Thanh Giang, Nguyễn Thị Huệ, Lê Thị Dung
115. VẬN DỤNG CÁC TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ Ở TRUNG HỌC PHỔ THÔNG 1025
Đào Thị Bích Ngọc, Bùi Thị Hoa Mận
116. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NHẬN THỨC KHOA HỌC ĐỊA LÝ CHO HỌC SINH TRONG PHÂN MÔN ĐỊA LÝ 6 .. 1033
Đoàn Thị Thông, Nguyễn Thanh Tường¹, Nguyễn Văn Thái
117. VẬN DỤNG GIÁO DỤC STEAM TRONG DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÝ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH..... 1043
Nguyễn Thị Hiến
118. VẬN DỤNG ĐA DẠNG CÁC KỸ THUẬT THẢO LUẬN THEO NHÓM TRONG DẠY HỌC PHÂN MÔN ĐỊA LÝ 6 Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ 1053
Đoàn Thị Thông, Nguyễn Đặng Thảo Nguyên, Trương Văn Cảnh, Nguyễn Văn An
119. ĐỊA DANH VÀ GIÁO DỤC ĐỊA LÝ ĐỊA PHƯƠNG NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN 1062
Trần Thị Khánh Chi, Phạm Anh Tuấn

120. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO KẾT QUẢ KÌ THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA MÔN ĐỊA LÝ TẠI TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG SỐ 2 NGHỆ AN..... 1070
Nguyễn Thị Hà Ngân, Võ Thị Vinh
121. ỨNG DỤNG BẢN ĐỒ SỐ TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG..... 1080
Trương Văn Lương, Lộc Trọng Cầu
122. HIỆU QUẢ ỨNG DỤNG ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ THEO HƯỚNG PHÁT HUY NĂNG LỰC HỌC SINH Ở TRƯỜNG THPT CAM LỘ, HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ..... 1090
Thái Thị Kim Anh, Nguyễn Ngọc Đan, Cao Thị Hoa, Trương Văn Phượng, Trần Văn Phẩm
123. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP THẢO LUẬN NHÓM “TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA..... 1100
Thiều Thị Thùy
124. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN ĐỊA LÝ 11 THPT THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH..... 1109
Nguyễn Hoàng Tuấn , Nguyễn Viết Bình, Nguyễn Văn Hảo
125. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÝ..... 1119
Nguyễn Thị Thanh Vân

ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP TIỀM NĂNG TỰ NHIÊN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở TỈNH KHÁNH HÒA

Mai Văn Chân¹, Nguyễn Đăng Độ¹, Nguyễn Thị Thanh Hằng²

Abstract:

Khanh Hoa is one of the localities with many natural potentials for tourism development. In recent years, although the province's tourism activities have had outstanding developments, the effectiveness of tourism resource exploitation activities is still not commensurate with the available potential. The article used the following methods: collecting, synthesizing, and analyzing documents; field survey; maps and geographic information systems (GIS); evaluation of the composite scale; and sociological survey methods. The article selected and comprehensively evaluated the natural potential of 10 tourist destinations in the study area. The results show that 4 tourist destinations are considered to have very great potential, 3 have great potential, and 3 have relatively great potential. On that basis, three groups of solutions are proposed to exploit the natural potential for sustainable tourism development.

Keywords: Tourism potential; Tourist attractions; Khanh Hoa

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khánh Hòa là tỉnh thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, hội tụ đầy đủ các dạng địa hình: đồi núi, đồng bằng duyên hải, biển và các đảo, quần đảo. Đặc biệt, có đường bờ biển dài 385 km, nhiều phong cảnh và bãi tắm đẹp kết hợp với truyền thống văn hóa lâu đời đã đem lại cho Khánh Hòa một tiềm năng lớn để phát triển du lịch. Trong những năm qua, tỉnh Khánh Hòa đã thu hút nhiều du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng, chiêm ngưỡng phong cảnh thiên nhiên độc đáo, thưởng thức những món ăn đặc sản, giao lưu văn hóa cùng người dân địa phương..., để lại nhiều ấn tượng tốt đẹp trong lòng mỗi du khách. Tuy nhiên, hiệu quả của hoạt động khai thác tài nguyên du lịch vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Việc khai thác, quản lý các nguồn tài nguyên tự nhiên, các sản phẩm, chất lượng du lịch còn nhiều hạn chế và mang tính đơn điệu. Điều này đã làm ảnh hưởng không ít đến thương hiệu, hình ảnh của địa phương cũng như doanh thu du lịch và sức hút du khách, nhất là khách du lịch quốc tế đến với Khánh Hòa.

Thực tiễn cho thấy, để khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch, cần phải có những nghiên cứu mới về cả lý luận và thực tiễn nhằm đánh giá đầy đủ, chi tiết; phân cấp được mức độ thuận lợi của các điểm, các loại hình du lịch làm cơ sở khoa học cho việc định hướng khai thác tài nguyên và phát triển sản phẩm du lịch nhằm đóng góp xứng đáng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh và cả nước. Để thực hiện mục tiêu đó, công tác điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch, lập quy hoạch phát triển lâu dài đã trở thành nhiệm vụ cấp bách.

2. DỮ LIỆU SỬ DỤNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Dữ liệu sử dụng

Thông qua 2 đợt khảo sát thực địa nhóm nghiên cứu đã thu thập được các dữ liệu sơ cấp bao gồm: Thông tin về vị trí, sức chứa, cơ sở hạ tầng, các sản phẩm du lịch; kết quả khai thác du lịch; khảo sát mức độ hài lòng của du khách... tại các điểm du lịch tự nhiên được lựa chọn đánh giá. Ngoài ra nhóm nghiên cứu kế thừa các dữ liệu thứ cấp như: Các báo cáo điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội; Định hướng phát triển du lịch đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Khánh hòa; đồng thời nhóm

¹ Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

² Trường THPT Nguyễn Thiện Thuật, Khánh Hòa

nghiên cứu tổng hợp có chọn lọc các đề tài, bài báo khoa học liên quan đến đánh giá tiềm năng các điểm du lịch làm tài liệu tham khảo.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập, phân tích, xử lý số liệu

Tiến hành thu thập các thông tin trực tiếp về vị trí, sức chứa, cơ sở hạ tầng, các sản phẩm du lịch; kết quả khai thác du lịch; khảo sát mức độ hài lòng của du khách... tại các điểm du lịch được lựa chọn đánh giá. Đồng thời thu thập các báo cáo điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội; Định hướng phát triển du lịch tỉnh Khánh hòa... Trên cơ sở đó tiến hành phân tích thông tin, sử dụng phần mềm Excel xử lý và tính toán kết quả nghiên cứu.

2.2.2. Phương pháp bản đồ và hệ thống thông tin địa lý (GIS)

Sử dụng bản đồ kết hợp với điều tra thực tế giúp dễ dàng xác định được các điểm lựa chọn đánh giá. Nhóm tác giả đã sử dụng cơ sở dữ liệu của Sở Du lịch tỉnh Khánh Hòa để xây dựng chi tiết bản đồ du lịch của tỉnh.

Để có cơ sở khoa học cho việc đánh giá tổng hợp tiềm năng các điểm du lịch tự nhiên tỉnh Khánh Hòa; nhóm tác giả đã sử dụng kết hợp nhiều phương pháp khác nhau, bao gồm: Phương pháp thu thập, tổng hợp và phân tích tài liệu; Phương pháp khảo sát thực địa; Phương pháp bản đồ và hệ thống thông tin địa lý (GIS); Phương pháp đánh giá bằng thang điểm tổng hợp và Phương pháp điều tra xã hội học.

2.2.3. Phương pháp khảo sát thực địa

Khảo sát thực địa nhằm bổ sung dữ liệu sơ cấp và kiểm tra kết quả nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành 02 đợt khảo sát thực địa, đợt 1 vào tháng 04/2023 tại các điểm Núi Cô Tiên, Hồ Đá Bàn, Suối khoáng Trường Xuân, Khu BTTN Hòn Bà – Công viên Kong Forest, Thác Tà Gụ và đợt 2 vào tháng 09/2023 tại các điểm Đầm Thủy Triều, Mũi Đồi – Hòn Đầu, Biên Bãi Dài, Vịnh Nha Trang và Đảo Diệp Sơn

2.2.4. Phương pháp đánh giá bằng thang điểm tổng hợp

Điểm cho các cấp đánh giá tốt, khá, trung bình kém và rất kém tương ứng là 5; 4; 3; 2; 1. Điểm đánh giá một tiêu chí là tích của hệ số với điểm của cấp đánh giá. Điểm đánh giá tổng hợp cho điểm du lịch được tính bằng tổng số điểm đánh giá của các tiêu chí thành phần. Kết quả đánh giá tổng hợp được phân thành 5 hạng. Khoảng cách điểm giữa các hạng bằng nhau và được tính bằng trung bình cộng giữa điểm cao nhất và điểm thấp nhất trong thang điểm. Dựa vào cách tính điểm và phân hạng kết quả đánh giá tổng hợp ta có bảng điểm đánh giá tổng hợp cao nhất và thấp nhất sau.

Bảng 1. Thang điểm đánh giá tổng hợp

STT	Hệ số, cấp đánh giá		Tốt	Khá	Trung bình	Kém	Rất kém
	Tiêu chí	Hệ số					
1	Độ hấp dẫn tài nguyên	3	15	12	9	6	3
2	Thời gian khai thác du lịch	3	15	12	9	6	3
3	Sức chứa khách du lịch	2	10	8	6	4	2
4	Vị trí điểm và khả năng tiếp cận	2	10	8	6	4	2
5	Khả năng kết nối các điểm TN	2	10	8	6	4	2
6	Độ bền vững của điểm tài nguyên	2	10	8	6	4	2
	Tổng điểm		70	56	42	28	14

Áp dụng công thức tính điểm của Viện Nghiên cứu Phát triển du lịch Việt Nam ta có:

$$X_0 = \frac{X_{\max} - X_{\min}}{n}$$

Trong đó: X_0 là khoảng cách đều giữa các hạng; X_{\max} là điểm cao nhất = 70; X_{\min} là điểm thấp nhất = 14; n là số cấp phân hạng = 5.

$$X_0 = (70-14)/5 = 11.2$$

Điểm đánh giá tổng hợp về tiềm năng của các điểm du lịch ở 5 hạng sẽ là:

Tốt (Có tiềm năng rất lớn) 58.8 – 70 điểm; Khá (có tiềm năng lớn) 47.6 – 58.8 điểm; Trung bình (tiềm năng tương đối lớn) 36.4 – 47.6 điểm; Kém (ít có tiềm năng) 25.2 – 36.4 điểm; Rất kém (tiềm năng không đáng kể) 14 – 25.2 điểm.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Cơ sở lựa chọn các điểm du lịch phục vụ mục tiêu đánh giá

Khánh Hòa có tài nguyên du lịch tự nhiên khá phong phú, hoạt động khai thác du lịch cần lựa chọn các điểm tiêu biểu, có sức hấp dẫn, khả năng khai thác và phát triển nhiều loại hình du lịch. Các điểm du lịch khi được đầu tư khai thác sẽ trở thành những điểm hút trong không gian phát triển du lịch của lãnh thổ. Việc lựa chọn các điểm tài nguyên tự nhiên (TNTN) tiêu biểu để đánh giá dựa vào các cơ sở sau:

- Tính đại diện theo lãnh thổ: TNTN ở Khánh Hòa có sự phân hóa theo hai khu vực: ven biển phía Đông và khu vực đồi núi phía Tây. Các điểm TNTN được đánh giá cần chú ý đến sự phân bố theo lãnh thổ để đảm bảo cân đối cho sự PTDL của địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, khu vực phía Đông phân bố nhiều điểm TNTN hơn nên đề tài đã lựa chọn 06 điểm, còn ở phía Tây là 04 điểm để đánh giá.

- Tính đặc trưng của dạng tài nguyên: TNTN trên địa bàn Khánh Hòa rất đa dạng, tuy nhiên khi đánh giá cần lựa chọn để mỗi dạng tài nguyên đều được đề cập. Khu vực ven biển, các dạng tài nguyên được chọn để đánh giá gồm: đầm phá, vịnh, bãi biển, đảo ven bờ, mũi đá, núi đá. Ở khu vực phía Tây địa hình chủ yếu đồi núi thì các dạng TNTN được lựa chọn gồm: hồ, thác, đập, suối nước khoáng.

- Hiện trạng và kết quả khai thác du lịch tại các điểm tài nguyên: Số lượng các điểm TNTN trên địa bàn tỉnh khá lớn, nên việc lựa chọn số lượng điểm TNTN cho đánh giá cũng cần dựa vào hiện trạng và hiệu quả khai thác du lịch.

- Việc lựa chọn các điểm TNTN cho đánh giá cũng đã xem xét đến quy hoạch PTDL của địa phương. Để phát huy tối đa các tiềm năng vốn có của tài nguyên tự nhiên ở địa phương cần phát triển các sản phẩm du lịch chủ yếu là du lịch nghỉ dưỡng biển (nghỉ dưỡng, danh lam thắng cảnh độc đáo gắn với biển – đảo của tỉnh) và du lịch gắn với sinh thái (tham quan, nghỉ dưỡng khu vực miền núi, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch gắn với các hệ sinh thái). Các điểm TNTN chọn để đánh giá đều là những địa điểm có tiềm năng cho phát triển các SPDL.

Căn cứ vào các tiêu chí lựa chọn điểm đánh giá, nhóm tác giả đã lựa chọn 10 điểm tài nguyên dựa vào một số nét tương đồng về vị trí địa lý, chia thành 2 khu vực: khu vực ven biển phía đông và khu vực đồi núi phía Tây. Danh sách các điểm đánh giá thể hiện tại bảng 2.

Bảng 2. Các điểm tài nguyên thiên nhiên được lựa chọn đánh giá

TT	Tên điểm TNDL	Xếp hạng	Địa phương	Khu vực
1	Mũi Đồi – Hòn Đầu	Cấp quốc gia	Huyện Vạn Ninh	Khu vực ven biển phía Đông
2	Đảo Diệp Sơn	Chưa xếp hạng	Huyện Vạn Ninh	
3	Vịnh Nha Trang	Cấp quốc gia	TP. Nha Trang	
4	Núi Cô Tiên	Chưa xếp hạng	P.Vĩnh Hòa – TP. Nha Trang	

5	Biển Bãi Dài	Chưa xếp hạng	Xã Cam Hải Đông, H. Cam Lâm	Khu vực đồi núi phía Tây
6	Đầm Thủy Triều	Chưa xếp hạng	Xã Cam Hải Đông, H. Cam Lâm	
7	Hồ Đá Bàn	Chưa xếp hạng	TX. Ninh Hòa	
8	Suối khoáng Trường Xuân	Chưa xếp hạng	TX. Ninh Hòa	
9	Khu BTTN Hòn Bà – Công viên Kong Forest	Chưa xếp hạng	Xã Suối Cát, H. Cam Lâm	
10	Thác Tà Gụ	Cấp tỉnh	Xã Sơn Hiệp, H. Khánh Sơn	

Thống kê theo [5] và khảo sát thực tế

3.2. Khái quát đặc điểm các điểm du lịch được lựa chọn đánh giá

3.2.1. Mũi Đồi – Hòn Đầu: Được hình thành nhờ cấu tạo địa chất các nhánh núi phía Nam Trường Sơn vươn ra xa biển Đông bị sóng biển xâm thực, bào mòn tạo ra nhiều vách núi đá, gành đá rất hùng vĩ. Là điểm cực đông trên đất liền của Việt Nam được xếp hạng danh thắng cấp quốc gia. Phong cảnh thiên nhiên còn hoang sơ, khí hậu trong lành, nước biển trong xanh. Bên trong đảo có hang động là nơi sinh sản của loài chim yến cung cấp đặc sản quý giá được mệnh danh là “vàng trắng” của Khánh Hòa. Thích hợp loại hình du lịch sinh thái, du lịch thể thao, du lịch tham quan.

3.2.2. Đảo Diệp Sơn: Diệp Sơn là cụm đảo gồm 6 đảo nổi, 2 đảo chìm nằm trong vịnh Vân Phong. Các hòn đảo nằm san sát và được nối với nhau bằng thủy đạo, tức là con đường giữa biển tạo nên do cát bồi. Tổng chiều dài con đường này là khoảng 800 m, trong đó, đoạn nối giữa hòn Ó và hòn Quạ là nổi bật. Nơi đây có bãi biển đẹp, còn hoang sơ, cát trắng mịn, sạch, nước biển trong xanh rất thích hợp phát triển du lịch tham quan, tắm biển, nghỉ dưỡng và thể thao biển.

3.2.3. Vịnh Nha Trang: Vịnh Nha Trang có 19 đảo lớn nhỏ nổi bật lên trên nền biển trong xanh và những bãi cát trắng trải dài ven bờ trên vòng cung vịnh. Vịnh Nha Trang được cho là “một trong những hình mẫu tự nhiên hiếm có của hệ thống vũng, vịnh trên thế giới” khi chứa đựng hầu hết các hệ sinh thái điển hình của vùng biển nhiệt đới, trong đó rạn san hô, rừng ngập mặn và thảm cỏ biển được cho là những hệ sinh thái tiêu biểu. Với 40% san hô tạo rạn trên toàn thế giới, khu vực này được đánh giá là có tầm quan trọng quốc tế và có mức độ đa dạng sinh học cao nhất ở Việt Nam và được xếp hạng danh thắng cấp quốc gia. Một số đảo của vịnh có những hang đá có vô số chim yến về làm tổ, cho nguồn lợi lớn là yến sào. Trên vịnh Nha Trang còn có di chỉ khảo cổ học Bích Đàm tại làng đảo Bích Đàm (thuộc văn hóa Xóm Cồn). Nơi đây có thể phát triển nhiều loại hình du lịch khác nhau, như du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, thể thao, du lịch sinh thái, du lịch kết hợp với nghiên cứu khoa học.

3.2.4. Núi Cô Tiên: Là núi thấp có độ cao khoảng 400 m đâm ngang ra biển, nằm án ngữ phía bắc của vịnh Nha Trang với 3 đỉnh nằm liền kề nhau tựa như một bóng dáng người phụ nữ xoắn tóc và ngẩng khuôn mặt lên trời nên được gọi là núi Cô Tiên. Là nơi lý tưởng để ngắm trọn vẹn thành phố Nha Trang từ trên cao, không khí trong lành, mát mẻ. Ở đây có thể phát triển du lịch thể thao, du lịch sinh thái.

3.2.5. Biển Bãi Dài: Đường bờ biển dài hơn 17 km, bãi tắm hoang sơ, nông và thoải, đặc biệt nước biển trong xanh, sạch, cát trắng mịn. Bãi Dài rộng 4800 ha có một bên là biển, một bên là đầm Thủy Triều, đặc biệt có cảng nước sâu, kín gió được quy hoạch để phát triển thành khu du lịch trọng điểm của quốc gia và quốc tế. Có tiềm năng phát triển lớn khi nằm trong cụm tam giác du lịch Nha Trang – Đà Lạt – Ninh Chữ (Ninh Thuận). Biển Bãi Dài Cam Ranh đã được tạp chí National Geographic bình chọn là 1 trong 10 bãi biển đẹp nhất hành tinh. Dọc bờ biển là nơi quy tụ khách sạn và biệt thự nghỉ dưỡng của nhiều thương hiệu nổi tiếng trong, ngoài nước. Nơi đây có điều kiện tốt để khai thác nhiều loại hình du lịch như nghỉ dưỡng biển, tắm biển, thể thao biển.

3.2.6. Đầm Thủy Triều: Là đầm nước mặn ven biển, nước lợ có cảnh quan đẹp rất thuận lợi cho việc phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, tham quan. Diện tích mặt nước 2000ha, cùng với cảnh quan hữu tình, không khí trong lành. Phong cảnh thanh bình, tĩnh lặng đặc biệt lúc hoàng hôn. Đầm có nhiều loại thủy hải sản quý và bổ dưỡng, đặc biệt là sò huyết Thủy Triều. Loại hải sản này có giá trị kinh tế và giá trị ẩm thực cao.

3.2.7. Hồ Đá Bàn: Cảnh quan đẹp, hoang sơ, được bao phủ bởi khu rừng nguyên sinh. Diện tích mặt hồ lớn, nước trong hồ được cung cấp từ ba con suối lớn là suối Dừa, suối Cái và suối Đá Đen. Nước hồ thay đổi theo mùa, mùa cạn người dân thường bơi thuyền, đánh cá trên hồ. Với khoảng 75 triệu mét khối nước, đây là nơi đa dạng các loài cá, tôm, cua, ốc,... thích hợp cho phát triển du lịch sinh thái, tham quan, câu cá, dựng lều cắm trại qua đêm, đặc biệt vào khoảng 5 - 6 h chiều khi mặt trời chuẩn bị lặn xuống sẽ rất thích hợp để ngắm phong cảnh hữu tình và chụp ảnh hoàng hôn.

3.2.8. Suối khoáng Trường Xuân: Là một trong những dòng suối nóng có diện tích tương đối lớn ở Việt Nam, được bắt nguồn từ suối Ba Hồ với diện tích khoảng 200 m² và cao 1,5 – 2 m so với địa hình xung quanh. Nước ở đây có độ nóng tới 760C, trào lên liên tục và bốc hơi trắng xóa, chảy hòa vào dòng suối gần đó tạo nên dòng suối với độ nóng vừa phải, chứa nhiều vi khoáng chất rất tốt cho cơ thể con người. Thiên nhiên cảnh sắc hữu tình, bao bọc bởi núi rừng xanh mát, cảnh vật yên bình. Dòng suối còn gắn liền với nét đẹp văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và sinh hoạt của người dân tộc Ê-đê và Rắc lây.

3.2.9. Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà - Công viên Kong Forest: Vùng rừng núi hoang sơ, xanh, sạch, tương đối nguyên vẹn, điều kiện thiên nhiên và cảnh quan độc đáo, có các điểm du lịch ở đỉnh Hòn Bà, bãi tắm dọc theo các hệ thống suối, các điểm ngắm động thực vật rừng tự nhiên, các tuyến du lịch xuyên rừng và suối tự nhiên... Điểm du lịch tại đỉnh Hòn Bà ở độ cao trên 1.500m so với mặt biển có khí hậu ôn hoà, mây mù quanh năm. Hồ suối Dầu nằm ở chân núi Hòn Bà, là một hồ nước nhân tạo được xây dựng để phục vụ nhu cầu tưới tiêu của người dân. Đồng thời vào mùa khô tận dụng cảnh quan xung quanh đẹp, yên bình và lí tưởng để câu cá, cắm trại qua đêm,... Thác Suối Nguồn là đầu nguồn của suối Dầu nằm ở đỉnh núi Hòn Bà, chảy dọc theo sườn núi tạo nên một ngọn thác vô cùng đẹp và thơ mộng. Đặc biệt là thác Suối Nguồn, nổi bật với hồ nước trong xanh rộng lớn và cũng là một địa điểm rất thích hợp để cắm trại. Đặc biệt có công viên Kong Forest (xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, Khánh Hòa) vừa được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam (Vietkings) trao bằng chứng nhận 2 kỷ lục. Đó là Zipline Canopy Tour – Hành trình khám phá thiên nhiên trong rừng bằng Zipline lớn nhất Việt Nam và Công viên du lịch thám hiểm trong rừng lớn nhất Việt Nam. Nơi đây thích hợp cho phát triển du lịch sinh thái, tham quan, du lịch thể thao.

3.2.10. Thác Tà Gụ: Là di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh. Vùng núi rộng, có độ cao trung bình 400 m so với mặt biển, có nhiều đỉnh núi cao nên sương mù và thời tiết mát lạnh gần như quanh năm. Phía dưới thác gồm ba hồ, một thác nhỏ và thác chính, thứ tự từ ngoài vào: hồ một, hồ “không đáy”, thác nhỏ, hồ “nước ngầm”, thác chính (thác Tà Gụ). Khu vực rừng núi thác ghềnh nhưng đá khá bằng phẳng, dễ đi lại và có các tán cây rừng che bóng mát nên có thể cắm trại, vui chơi giải trí. Thác Tà Gụ có thể xem là thác nước cao nhất của Khánh Hòa. Nước chảy mạnh bốn mùa, nhất là vào mùa mưa. Danh thắng gắn với quá trình tạo sơn của tự nhiên; gắn với lịch sử phát triển, tồn tại của cư dân bản địa là đồng bào dân tộc Raglai nên có giá trị cả về các mặt lịch sử, văn hóa và khoa học. Nơi đây thích hợp cho phát triển du lịch sinh thái, tham quan, nghỉ dưỡng, du lịch thể thao.

3.3. Đánh giá tiềm năng tài nguyên tự nhiên các điểm du lịch ở tỉnh Khánh Hòa

3.3.1. Tiêu chí và trọng số của các tiêu chí đánh giá

Mục tiêu nghiên cứu này nhằm đánh giá tổng hợp tiềm năng tài nguyên tự nhiên của các điểm du lịch được lựa chọn. Do đó, các tiêu chí hướng đến hiệu quả khai thác điểm du lịch như: cơ sở hạ tầng - cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; hiệu quả kinh tế không được sử dụng. Hệ số của các tiêu chí được kế thừa từ phương pháp đánh giá của Viện Nghiên cứu phát triển du lịch, trừ tiêu chí mức độ bền vững của điểm du lịch được nâng lên thành hệ số 2 (thay vì hệ số 1) vì hầu hết các điểm du lịch tự nhiên ở Khánh Hòa là điểm du lịch sinh thái, mà trong du lịch sinh thái, tính bền vững của môi trường tự nhiên nói chung được coi trọng. Các tiêu chí được chọn với trọng số tương ứng như sau [2,3]:

Bảng 3. Các tiêu chí đánh giá và hệ số tương ứng

STT	Tiêu chí	Trọng số
1	Độ hấp dẫn tài nguyên	3

2	Thời gian khai thác du lịch	3
3	Sức chứa khách du lịch	2
4	Vị trí điểm và khả năng tiếp cận	2
5	Khả năng kết nối các điểm tài nguyên	2
6	Độ bền vững của điểm tài nguyên	2



Nguồn dữ liệu: Sở du lịch tỉnh Khánh Hòa. Biên tập: Nhóm tác giả
 Hình 1. Bản đồ một số điểm tài nguyên du lịch tự nhiên tỉnh Khánh Hòa

3.3.2. Chọn chỉ tiêu cho các cấp đánh giá

Có 5 cấp đánh giá ở mỗi tiêu chí, tương ứng với các mức độ tốt, khá, trung bình kém và rất kém về tiềm năng của các điểm du lịch.

a. Độ hấp dẫn tài nguyên: Độ hấp dẫn của tài nguyên là yếu tố có tính chất tổng hợp và thường được xác định bằng vẻ đẹp của phong cảnh, sự đa dạng của địa hình, sự thích hợp của khí hậu, tính đặc sắc và độc đáo của các hiện tượng, di tích...

Rất hấp dẫn: có trên 5 phong cảnh đẹp, đa dạng. Có 3 di tích đặc sắc, độc đáo; Khá hấp dẫn: có 3 đến 5 phong cảnh đẹp, đa dạng. Có 2 di tích đặc sắc, độc đáo; Trung bình: có 1 đến 2 phong cảnh đẹp, đa dạng. Có 1 di tích đặc sắc, độc đáo; Kém hấp dẫn: Chỉ có phong cảnh đẹp, không có di tích

đặc sắc, độc đáo; Rất kém hấp dẫn: Phong cảnh đơn điệu, chỉ đáp ứng được sự phát triển của một loại hình DL.

b. Thời gian khai thác du lịch: Thời gian khai thác DL được xác định bởi lượng thời gian thích hợp nhất về các điều kiện khí hậu đối với sức khỏe của du khách và lượng thời gian thuận lợi nhất cho việc triển khai các hoạt động DL. Thời gian hoạt động DL quyết định tính chất thường xuyên hay mùa vụ của hoạt động DL, từ đó liên quan trực tiếp đến phương hướng khai thác, đầu tư, kinh doanh phục vụ tại điểm DL.

Rất dài: Có trên 200 ngày trong năm có thể triển khai các hoạt động DL và trên 180 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người; Khá dài: có 150 đến 200 ngày trong năm có thể triển khai các hoạt động DL và trên 120 đến 180 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người; Trung bình: có 100 đến 150 ngày trong năm có thể triển khai các hoạt động DL và trên 90 đến 120 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người; Ngắn: có 60 đến 100 ngày trong năm có thể triển khai các hoạt động DL và 50 đến 90 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người; Rất ngắn: có 30 đến 60 ngày trong năm có thể triển khai các hoạt động DL và 20 đến 50 ngày trong năm có điều kiện khí hậu thích hợp đối với sức khỏe con người.

c. Sức chứa khách du lịch: Sức chứa khách DL phản ánh khả năng và quy mô triển khai hoạt động DL tại mỗi điểm DL và được xác định bằng các chỉ tiêu sau:

Rất lớn: Sức chứa trên 1000 người/ngày; Khá lớn: Sức chứa 500 - 1000 người/ngày; Trung bình: Sức chứa 200 - 500 người/ngày; Nhỏ: Sức chứa 100 - 200 người/ngày; Rất Nhỏ: Sức chứa dưới 100 người/ngày.

d. Vị trí điểm và khả năng tiếp cận: Vị trí tương đối của điểm DL với nơi cung cấp nguồn khách DL chủ yếu có ý nghĩa rất quan trọng trong việc khai thác tài nguyên và hoạt động DL ở đó.

- Rất thích hợp: Khoảng cách 10 - 100 km, thời gian đi đường nhỏ hơn 3 giờ có thể đi bằng 2 - 3 loại phương tiện thông dụng; Khá thích hợp: Khoảng cách 100 - 200 km, thời gian đi đường nhỏ hơn 3 - 4 giờ có thể đi bằng 2 - 3 loại phương tiện thông dụng; Trung bình: Khoảng cách 200 - 500 km, thời gian đi đường 5 - 7 giờ có thể đi bằng 1 - 2 loại phương tiện thông dụng; Kém thích hợp: Khoảng cách trên 500 - 700 km, thời gian đi đường trên 7 - 10 giờ có thể đi bằng 1 - 2 loại phương tiện thông dụng; Không thích hợp: Khoảng cách trên 700 km, thời gian đi đường trên 10 giờ có thể đi bằng 1 - 2 loại phương tiện thông dụng.

e. Khả năng kết nối các điểm tài nguyên: Khả năng kết nối điểm tài nguyên cũng là một trong những tiêu chí quan trọng trong đánh giá du lịch. Khách du lịch thường có xu hướng chọn những nơi mà có thể kết hợp khám phá nhiều địa điểm, nhiều loại hình du lịch khác nhau trong khoảng thời gian ngắn.

Rất tốt: Có trên 6 điểm tài nguyên DL khác trong bán kính 20 km; Khá tốt: Có 4 - 6 điểm tài nguyên DL khác trong bán kính 20 km; Trung bình: Có 2 - 3 điểm tài nguyên DL khác trong bán kính 20 km; Kém: Có 1 điểm tài nguyên DL khác trong bán kính 20 km; Rất kém: Không có điểm tài nguyên DL khác trong bán kính 20 km

g. Độ bền vững của điểm tài nguyên: Nói lên khả năng bền vững của các thành phần tự nhiên khi triển khai hoạt động DL, có các chỉ tiêu sau:

Rất bền vững: Không có thành phần hoặc bộ phận tự nhiên nào bị phá hoại, nếu có ở mức độ không đáng kể. Hoạt động DL diễn ra liên tục; Khá bền vững: Có từ 1 - 2 thành phần hoặc bộ phận tự nhiên bị phá hoại ở mức độ nhẹ, có khả năng tự phục hồi. Các hoạt động DL diễn ra thường xuyên; Trung bình: Có từ 1 - 2 thành phần, bộ phận tự nhiên bị phá hoại đáng kể, phải có sự hỗ trợ của con người mới phục hồi nhanh được. Hoạt động DL có thể bị hạn chế; Kém bền vững: Có từ 1 - 2 thành phần hoặc bộ phận tự nhiên bị phá hoại nặng, phải cần đến sự phục hồi của con người. Hoạt động DL

bị gián đoạn; Không bền vững: Có nhiều thành phần hoặc bộ phận tự nhiên bị phá hoại nghiêm trọng, khó có thể phục hồi hoặc chi phí phục hồi quá tốn kém. Hoạt động DL thường xuyên bị gián đoạn.

3.3.3. Kết quả đánh giá tiềm năng tài nguyên tự nhiên các điểm du lịch

Căn cứ vào các chỉ tiêu và tiêu chí đánh giá đã xây dựng, trên cơ sở kết quả điều tra, khảo sát thực tế tại các điểm du lịch được lựa chọn. Nhóm tác giả đã tổng hợp, phân tích thông tin sau đó tiến hành đánh giá chi tiết cho từng điểm du lịch. Kết quả đánh giá tổng hợp tiềm năng các điểm du lịch tự nhiên tỉnh Khánh Hòa được thể hiện qua bảng 4.

Bảng 4. Kết quả đánh giá tổng hợp cho 10 điểm tài nguyên tự nhiên

TT	Điểm TNTN	Tiêu chí	Điểm đánh giá	Trọng số	Tổng điểm thành phần	Tổng điểm/điểm tối đa	Phân hạng
1	Mũi Đôi – Hòn Đầu	H	5	3	15	48/70	Khá
		S	1	2	2		
		T	5	3	15		
		V	2	2	4		
		K	2	2	4		
		B	4	2	8		
2	Đảo Diệp Sơn	H	3	3	9	46/70	Trung bình
		S	2	2	4		
		T	5	3	15		
		V	4	2	8		
		K	3	2	6		
		B	2	2	4		
3	Vịnh Nha Trang	H	5	3	15	68/70	Tốt
		S	5	2	10		
		T	5	3	15		
		V	5	2	10		
		K	5	2	10		
		B	4	2	8		
4	Núi Cô Tiên	H	3	3	9	46/70	Trung bình
		S	2	2	4		
		T	5	3	15		
		V	3	2	6		
		K	2	2	4		
		B	4	2	8		
5	Biển Bãi Dài	H	4	3	12	64/70	Tốt
		S	5	2	10		
		T	4	3	12		
		V	5	2	10		
		K	5	2	10		
		B	5	2	10		
6	Đầm Thủy Triều	H	3	3	9	49/70	Khá
		S	2	2	4		
		T	4	3	12		
		V	5	2	10		
		K	4	2	8		
		B	3	2	6		
7	Hồ Đá Bàn	H	3	3	9	58/70	Khá
		S	5	2	10		

		T	5	3	15		
		V	4	2	8		
		K	3	2	6		
		B	5	2	10		
8	Suối khoáng Trường Xuân	H	4	3	12	59/70	Tốt
		S	5	2	10		
		T	5	3	15		
		V	4	2	8		
		K	3	2	3		
		B	4	2	8		
9	Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà – Công viên Kong Forest	H	4	3	12	60/70	Tốt
		S	5	2	10		
		T	4	3	8		
		V	4	2	4		
		K	4	2	4		
		B	5	2	10		
10	Thác Tà Gụ	H	4	3	12	44/70	Trung bình
		S	2	2	4		
		T	4	3	8		
		V	2	2	2		
		K	1	2	1		
		B	5	2	10		

Ghi chú: Độ hấp dẫn tài nguyên (H); Sức chứa du lịch của điểm tài nguyên (S); Thời gian khai thác du lịch (T); Vị trí và khả năng tiếp cận điểm tài nguyên (V); Khả năng kết nối của điểm tài nguyên (K); Độ bền vững của điểm tài nguyên (B).

Qua bảng 4 có thể thấy: Điểm du lịch xếp hạng tốt (có tiềm năng rất lớn) có 4 điểm: Vịnh Nha Trang, Biển Bãi Dài, Suối khoáng Trường Xuân, Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà – Công viên Kong Forest. Điểm du lịch xếp hạng khá (có tiềm năng lớn) có 3 điểm: Mũi Đồi – Hòn Đầu, Đầm Thủy Triều, Hồ Đá Bàn và hạng trung bình (có tiềm năng tương đối lớn) có 3 điểm: Đảo Diệp Sơn, Núi Cô Tiên, Thác Tà Gụ.

3.4. Một số giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý hợp lý các điểm tài nguyên tự nhiên phục vụ phát triển du lịch ở tỉnh Khánh Hòa

Tỉnh Khánh Hòa có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch tự nhiên. Tuy nhiên thông qua điều tra, thống kê, nhận thấy hiệu quả của hoạt động khai thác tài nguyên du lịch lại chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Để phát huy hiệu quả hoạt động du lịch, cần thực hiện đồng bộ một số nhóm giải pháp sau:

3.4.1. Nhóm giải pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường trong khai thác du lịch

- Cần bảo tồn tính nguyên trạng của tài nguyên trong khai thác du lịch. Đặc biệt trong khai thác LHDL thể thao mạo hiểm, lặn ngắm san hô... cần phải có sự giám sát chặt chẽ của các kỹ thuật viên khi đưa khách tham quan dưới nước, đồng thời phải tuyên truyền nâng cao ý thức của du khách về tầm quan trọng của hệ sinh thái rạn san hô đối với môi trường biển trước khi du khách xuống nước tham quan.

- Xác định diện tích và vị trí nuôi trồng hải sản phù hợp để môi trường nước tự nhiên có thể tự cân bằng, không gây ô nhiễm, hủy hoại hệ sinh thái ở đầm, vịnh.

- Đối với các điểm tài nguyên tự nhiên khách du lịch tự tổ chức các hoạt động tham quan, vui chơi giải trí, cắm trại,...chưa có sự quản lý của các cơ sở kinh doanh về phát triển du lịch tại các điểm

(Mũi Đồi – Hòn Đầu, núi Cô Tiên, hồ Đá Bàn, thác Tà Gụ) cần phải đẩy mạnh các công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường tại các điểm du lịch.

- Nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường. Tăng cường kiểm tra, giám sát các cơ sở du lịch tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Đảm bảo môi trường du lịch, vệ sinh an toàn thực phẩm: Tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh vỉa hè, lòng đường, đảm bảo thông thoáng, vệ sinh.

3.4.2. Nhóm giải pháp về đầu tư

- Kêu gọi đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng và nâng cấp các cơ sở lưu trú, dịch vụ đi kèm nhằm thu hút khách du lịch đặc biệt các điểm tài nguyên phân bố ở các huyện như đảo Diệp Sơn, thác Tà Gụ, suối khoáng Trường Xuân,...

- Tập trung đầu tư để đảm bảo cơ sở hạ tầng để nâng cao khả năng tiếp cận, kỹ thuật, dịch vụ du lịch ở các điểm TNTN được xác định là ưu tiên khai thác (Mũi Đồi – Hòn Đầu).

- Cần đầu tư nâng cấp và xây dựng thêm các khách sạn đạt tiêu chuẩn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch.

- Các khu vui chơi giải trí cần được xây dựng ở các điểm du lịch quan trọng để tạo cho du khách thời gian thư giãn, kéo dài thêm thời gian lưu trú của khách.

3.4.3. Nhóm giải pháp tổ chức, quản lý

Để giải quyết tốt các vấn đề bất cập hướng đến sự phát triển bền vững của ngành du lịch, cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

- Đối với chính quyền địa phương: Triển khai và giám sát quá trình thực hiện các quy định, chế tài xử phạt hoặc rút giấy phép hoạt động đối với các cơ sở kinh doanh lưu trú, ăn uống, hoạt động vui chơi giải trí có các hành vi xả thải, gây ô nhiễm môi trường biển; Tổ chức điều tra, thống kê các nguồn rác thải, nước thải và có biện pháp khuyến khích áp dụng công nghệ xử lý chất thải trong hoạt động du lịch đạt chuẩn theo quy định; Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn chất thải, quy trình kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải. Chính quyền địa phương, doanh nghiệp, du khách và người dân đều có nghĩa vụ tôn trọng các nguyên tắc bảo vệ môi trường và hợp tác với nhau nhằm hiện thực hóa các nguyên tắc này.

- Đối với doanh nghiệp: Xây dựng hệ thống xử lý nước, chất thải đạt chuẩn; hạn chế dần việc xả nước thải trực tiếp mà không qua hệ thống xử lý; không sử dụng hóa chất để đánh bắt thủy hải sản và khai thác khoáng sản trên biển. Doanh nghiệp lựa chọn thiết kế tour du lịch xanh kết hợp với các hoạt động nhặt rác, tuyên truyền người dân địa phương bảo vệ môi trường...

- Đối với cộng đồng địa phương: Tạo điều kiện để người dân được tham gia và có vai trò trong các chính sách phát triển du lịch tại điểm đến, từ đó họ sẽ có trách nhiệm cùng thực hiện các chính sách và hoạt động du lịch theo định hướng bền vững. Cộng đồng dân cư địa phương cần được tham gia vào quá trình tạo chất lượng trải nghiệm của du khách. Cộng đồng tiếp xúc, tương tác trực tiếp với du khách, vì vậy cần được thường xuyên tập huấn về kỹ năng phục vụ khách du lịch.

- Đối với du khách: Tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường biển; tham gia tích cực vào các chương trình, phong trào dọn dẹp vệ sinh ven biển, phân loại rác...

4. KẾT LUẬN

Khánh Hòa có vị trí địa lý thuận lợi, là cầu nối với các vùng miền của đất nước (Bắc, Nam, Tây Nguyên), đây là điều kiện thuận lợi để PTDL. Đặc biệt, Khánh Hòa có nhiều lợi thế về địa hình, địa mạo nên đã tạo ra nhiều điểm tài nguyên thiên nhiên như: bãi biển, vũng vịnh, đảo ven bờ, núi đá ven biển, các khu bảo tồn thiên nhiên, hồ, đập, suối, thác, suối khoáng nóng [1]... rất thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch tham quan, tắm biển, nghỉ dưỡng, du lịch thể thao...

Dựa vào các tiêu chí, hệ số và chỉ tiêu của thang điểm cũng như cách phân hạng kết quả đánh giá đã được xác định phù hợp với địa bàn nghiên cứu. 10 điểm du lịch đã được xác định và đánh giá tiềm năng tài nguyên tự nhiên theo phương pháp thang điểm tổng hợp. Kết quả đánh giá đã cho thấy, các điểm du lịch tự nhiên ở tỉnh Khánh Hòa là có tiềm năng khá cao. Ở hạng tốt (có tiềm năng rất lớn) có 4 điểm; Ở hạng khá (có tiềm năng lớn) có 3 điểm và 3 điểm ở hạng trung bình (có tiềm năng tương đối lớn).

Mặc dù có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch tự nhiên. Tuy nhiên hiệu quả của hoạt động khai thác tài nguyên du lịch lại chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Để phát huy hiệu quả tiềm năng, khắc phục những bất cập trong hoạt động khai thác nhằm hướng đến sự phát triển bền vững của ngành du lịch cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp bao gồm: Giải pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường trong khai thác du lịch; Giải pháp về đầu tư; Giải pháp tổ chức, quản lý và Giải pháp về công tác tuyên truyền quảng bá sản phẩm du lịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Hoàng Diệp (2020), Phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa trong xu thế hội nhập, Luận án tiến sĩ Địa lý học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Thị Ngạn (2022), Đánh giá điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên tỉnh Phú Yên phục vụ phát triển du lịch, Luận án tiến sĩ Khoa học Trái Đất, Học viện Khoa học và Công nghệ.
3. Lê Văn Tin (2000), Đánh giá tài nguyên thiên nhiên tỉnh Thừa Thiên Huế phục vụ du lịch, Luận án tiến sĩ Địa lý, Trường ĐHSPT Hà Nội, Hà Nội.
3. Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa (2022), Báo cáo tổng hợp quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
4. Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Khánh Hòa (2023), Quyết định 1303/QĐ-UBND, Về việc phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.